

II. PHẨM TIẾNG RỒNG SƯ TỬ (*SĪHANĀDAVAGGA*)

I. KINH TIẾNG RỒNG SƯ TỬ (*Sīhanādasutta*)¹⁴ (A. IV. 373)

11. Một thời, Thế Tôn trú ở Sāvatthi, tại Jetavana, khu vườn ông Anāthapiṇḍika, rồi Tôn giả Sāriputta đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn, rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Tôn giả Sāriputta bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, con đã sống an cư trong mùa mưa tại Sāvatthi. Bạch Thế Tôn, nay con muốn ra đi du hành trong quốc độ.

– Nay Sāriputta, nay ông hãy làm những gì ông nghĩ là hợp thời.

Rồi Tôn giả Sāriputta từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ Thế Tôn, thân phía hữu hướng về Ngài rồi ra đi.

Rồi một Tỷ-kheo, sau khi Tôn giả Sāriputta ra đi không bao lâu, bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, Tôn giả Sāriputta xâm phạm con, đã bỏ đi du hành, không có xin lỗi con.

Thế Tôn cho gọi một Tỷ-kheo:

– Nay Tỷ-kheo, hãy đến nhân danh Ta, nói với Sāriputta: “Thưa Hiền giả, bậc Đạo sư cho gọi Hiền giả.”

– Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn, đi đến Tôn giả Sāriputta; sau khi đến, nói với Tôn giả Sāriputta:

– Thưa Hiền giả Sāriputta, bậc Đạo sư cho gọi Hiền giả.

– Thưa vâng, này Hiền giả.

Tôn giả Sāriputta vâng đáp Tỷ-kheo ấy. Lúc bấy giờ, Tôn giả Mahāmoggallāna và Tôn giả Ānanda cầm chìa khóa, đi từ tinh xá này đến tinh xá khác nói rằng:

– Chư Tôn giả hãy đến! Chư Tôn giả hãy đến! Nay Tôn giả Sāriputta sẽ rống tiếng rồng con sư tử trước mặt Thế Tôn.

Rồi Tôn giả Sāriputta đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Thế Tôn nói với Tôn giả Sāriputta đang ngồi xuống một bên:

¹⁴ Bản tiếng Anh của PTS: *After the Rainy Season*, nghĩa là *Sau mùa an cư*. Tham chiếu: Tăng. 增 (T.02. 0125.37.6. 0712c12); *Sư tử hống kinh* 獅子吼經 (T.01. 0026.24. 0452b22).

– Ở đây, này Sāriputta, một vị đồng Phạm hạnh có điều bất mãn¹⁵ với ông: “Bạch Thế Tôn, Tôn giả Sāriputta xâm phạm con, đã bỏ đi du hành, không có xin lỗi con.”

– Thật vậy, bạch Thế Tôn, với ai không an trú thân niệm trên thân, người ấy ở đây, sau khi xâm phạm một vị đồng Phạm hạnh, có thể bỏ đi du hành, không có xin lỗi.

Ví như, bạch Thế Tôn, trên đất,¹⁶ người ta quăng đồ tịnh, quăng đồ bất tịnh, quăng phần uế, quăng nước tiểu, nhổ nước miếng, quăng mủ và quăng máu; tuy vậy, đất không lo âu, không xấu hổ, hay không nhàm chán;¹⁷ cũng vậy, bạch Thế Tôn, con an trú với tâm như đất, rộng rãi, rộng lớn, vô lượng, không hận, không sân. Bạch Thế Tôn, với ai không an trú thân niệm trên thân, người ấy ở đây, sau khi xâm phạm một vị đồng Phạm hạnh, có thể bỏ đi du hành, không có xin lỗi.

Ví như, bạch Thế Tôn, trong nước người ta rửa đồ tịnh, rửa đồ bất tịnh, rửa sạch phần uế, rửa sạch nước tiểu, rửa sạch nước miếng, rửa sạch mủ, rửa sạch máu; tuy vậy, nước không lo âu, không xấu hổ, không nhàm chán; cũng vậy, bạch Thế Tôn, con an trú với tâm như nước, rộng rãi, rộng lớn, vô lượng, không hận, không sân. Bạch Thế Tôn, với ai không an trú thân niệm trên thân, người ấy ở đây, sau khi xâm phạm một vị đồng Phạm hạnh, có thể bỏ đi du hành, không có xin lỗi.

Ví như, bạch Thế Tôn, lửa đốt các đồ tịnh, đốt các đồ bất tịnh, đốt phần uế, đốt nước tiểu, đốt nước miếng, đốt mủ, đốt máu; tuy vậy, lửa không lo âu, không xấu hổ, không nhàm chán; cũng vậy, bạch Thế Tôn, con an trú với tâm như lửa, rộng rãi, rộng lớn, vô lượng, không hận, không sân. Bạch Thế Tôn, với ai không an trú thân niệm trên thân, người ấy ở đây, sau khi xâm phạm một vị đồng Phạm hạnh, có thể bỏ đi du hành, không có xin lỗi.

Ví như, bạch Thế Tôn, gió thổi các đồ tịnh, thổi các đồ bất tịnh, thổi phần uế, thổi nước tiểu, thổi nước miếng, thổi mủ, thổi máu; tuy vậy, gió không lo âu, không xấu hổ, không nhàm chán; cũng vậy, bạch Thế Tôn, con an trú với tâm như gió, rộng rãi, rộng lớn, vô lượng, không hận, không sân. Bạch Thế Tôn, với ai không an trú thân niệm trên thân, người ấy ở đây, sau khi xâm phạm một vị đồng Phạm hạnh, có thể bỏ đi du hành, không có xin lỗi.

Ví như, bạch Thế Tôn, một miếng vải lau chùi lau các đồ tịnh, lau các đồ bất tịnh, lau phần uế, lau nước tiểu, lau nước miếng, lau mủ, lau máu; tuy vậy, miếng vải lau chùi không lo âu, không xấu hổ, không nhàm chán; cũng vậy, bạch Thế Tôn, con an trú với tâm như miếng vải lau chùi, rộng rãi, rộng lớn, vô lượng, không hận, không sân. Bạch Thế Tôn, với ai không an trú thân niệm trên

¹⁵ *Khīyanadhammaṃ āpanno*. Xem A. III. 269.

¹⁶ Xem M. I. 423.

¹⁷ Xem D. I. 213; M. I. 120; S. IV. 62; Vin. II. 292.

thân, người ấy ở đây, sau khi xâm phạm một vị đồng Phạm hạnh, có thể bỏ đi du hành, không có xin lỗi.

Ví như, bạch Thế Tôn, con trai của một người Caṇḍāla (Chiên-đà-la) hay con gái của một người Caṇḍāla, với tay cầm bát ăn xin, mặc đồ rách rưới, đi vào làng hay đi vào thị trấn, với một tâm trạng hạ liệt; cũng vậy, bạch Thế Tôn, con an trú với tâm giống như người con Chiên-đà-la, rộng rãi, rộng lớn, vô lượng, không hận, không sân. Bạch Thế Tôn, với ai không an trú thân niệm trên thân, người ấy ở đây, sau khi xâm phạm một vị đồng Phạm hạnh, có thể bỏ đi du hành, không có xin lỗi.

Ví như, bạch Thế Tôn, một con bò đực với sừng bị cưa, hiền lương, khéo điều phục, khéo huấn luyện, đi lang thang từ đường này đến đường khác, từ ngã tư này đến ngã tư khác, không hại một ai với chân hay với sừng; cũng vậy, bạch Thế Tôn, con an trú với tâm giống như một con bò đực với sừng bị cưa, rộng rãi, rộng lớn, vô lượng, không hận, không sân. Bạch Thế Tôn, với ai không an trú thân niệm trên thân, người ấy ở đây, sau khi xâm phạm một vị đồng Phạm hạnh, có thể bỏ đi du hành, không có xin lỗi.

Ví như, bạch Thế Tôn, một nữ nhân hay một nam nhân còn trẻ tuổi, thanh niên, ưa thích trang điểm, sau khi gội đầu, sẽ lo âu, xấu hổ, nhàm chán nếu xác rắn, hay xác chó, hay xác người được cuốn vào cổ người ấy; cũng vậy, bạch Thế Tôn, con lo âu, xấu hổ, nhàm chán với cái thân đầy bất tịnh này. Bạch Thế Tôn, với ai không an trú thân niệm trên thân, người ấy ở đây, sau khi xâm phạm một vị đồng Phạm hạnh, có thể bỏ đi du hành, không có xin lỗi.

Ví như, bạch Thế Tôn, có người mang một cái bát đầy mỡ, có thùng nhiều lỗ, thùng nhiều đường, bị chảy, bị rỉ; cũng vậy, bạch Thế Tôn, con mang cái thân này, có thùng nhiều lỗ, có thùng nhiều đường, bị chảy, bị rỉ. Bạch Thế Tôn, với ai không an trú thân niệm trên thân, người ấy ở đây, sau khi xâm phạm một vị đồng Phạm hạnh, có thể bỏ đi du hành, không có xin lỗi.

Rồi Tỷ-kheo ấy từ chỗ ngồi đứng dậy, đắp thượng y vào một bên vai, cúi đầu đánh lễ chân Thế Tôn và bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, con đã phạm một trọng tội. Vì ngu si, vì vô minh, vì bất thiện, con đã xuyên tạc Tôn giả Sāriputta, không ý thức, trống không, vọng ngôn, không thật. Mong Thế Tôn chấp nhận cho con tội ấy là một tội để con ngăn chặn trong tương lai.¹⁸

– Nay Tỷ-kheo, thật là một trọng tội. Vì ngu si, vì vô minh, vì bất thiện, ông đã xuyên tạc Tôn giả Sāriputta, không ý thức, trống không, vọng ngôn, không thật. Nay Tỷ-kheo, vì ông đã thấy tội ấy là một tội, đã phát lộ đúng pháp, Ta chấp nhận tội ấy cho ông. Đây là một sự tiến bộ, nay Tỷ-kheo, trong Pháp và Luật của bậc Thánh, những ai thấy tội là tội, phát lộ đúng pháp và ngăn chặn trong tương lai.

¹⁸ Xem A. II. 146; D. I. 85; III. 55; M. III. 246; S. II. 127; Vin. I. 315; II. 126.

Rồi Thế Tôn nói với Tôn giả Sāriputta:

– Nay Sāriputta, hãy tha thứ kẻ ngu si này, trước khi đầu nó bị vỡ tan làm bảy mảnh.¹⁹

– Bạch Thế Tôn, con tha thứ cho Tôn giả ấy, nếu Tôn giả ấy nói với con: “Hãy tha thứ cho” và cũng mong Tôn giả ấy tha thứ cho con.

II. KINH CÓ DƯ Y (*Saupādisesasutta*) (A. IV. 378)

12. Một thời, Thế Tôn trú ở Sāvattthi, tại Jetavana, khu vườn ông Anāthapiṇḍika, rồi Tôn giả Sāriputta vào buổi sáng, đắp y, cầm y bát đi vào Sāvattthi để khát thực. Tôn giả Sāriputta suy nghĩ như sau: “Nay còn quá sớm để vào Sāvattthi khát thực. Vậy ta hãy đi đến khu vườn của các du sĩ ngoại đạo.” Rồi Tôn giả Sāriputta đi đến khu vườn các du sĩ ngoại đạo; sau khi đến, nói lên với các du sĩ ngoại đạo ấy những lời chào đón hỏi thăm; sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, liền ngồi xuống một bên.

Lúc bấy giờ, trong khi các du sĩ ngoại đạo ấy đang ngồi tụ họp, câu chuyện này khởi lên: “Thưa chư Hiền, ai chết có dư y, tất cả không được giải thoát khỏi địa ngục, không được giải thoát khỏi loài bàng sanh, không được giải thoát khỏi cõi naga quỷ, không được giải thoát khỏi cõi dữ, ác thú, đọa xứ.”

Rồi Tôn giả Sāriputta không hoan hỷ, không chỉ trích lời nói của các du sĩ ngoại đạo ấy; không hoan hỷ, không chỉ trích, Tôn giả từ chỗ ngồi đứng dậy và ra đi với ý nghĩ: “Ta sẽ biết ý nghĩa lời nói này từ Thế Tôn.” Rồi Tôn giả Sāriputta khát thực ở Sāvattthi xong, sau bữa ăn, trên con đường trở về, đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Tôn giả Sāriputta bạch Thế Tôn:

– Ở đây, bạch Thế Tôn, vào buổi sáng, con đắp y, cầm y bát đi vào Sāvattthi để khát thực. Bạch Thế Tôn, rồi con suy nghĩ như sau: “Nay còn quá sớm để vào Sāvattthi khát thực. Vậy ta hãy đi đến khu vườn các du sĩ ngoại đạo.” Bạch Thế Tôn, con đi đến khu vườn các du sĩ ngoại đạo; sau khi đến, con nói lên với các du sĩ ngoại đạo những lời chào đón hỏi thăm; sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, con ngồi xuống một bên. Lúc bấy giờ, trong khi các du sĩ ngoại đạo đang ngồi tụ họp, câu chuyện này khởi lên: “Thưa chư Hiền, ai chết có dư y, tất cả người ấy không được giải thoát khỏi địa ngục, không được giải thoát khỏi loài bàng sanh, không được giải thoát khỏi cõi naga quỷ, không được giải thoát khỏi cõi dữ, ác thú, đọa xứ.” Rồi bạch Thế Tôn, con không hoan hỷ, không chỉ trích lời nói của các du sĩ ngoại đạo ấy. Không hoan hỷ, không chỉ trích, con từ chỗ ngồi đứng dậy và ra đi với ý nghĩ rằng: “Ta sẽ biết ý nghĩa lời nói này từ Thế Tôn.”

– Nay Sāriputta, một số du sĩ ngoại đạo là những kẻ ngu si, không thông minh, một số sẽ biết: “Người có dư y là người có dư y”, hay một số sẽ biết:

¹⁹ Xem D. I. 95; S. I. 50; Sn. 190.

“Người không có dư y là người không có dư y.” Nay Sāriputta, có chín hạng người này, khi chết có dư y, được giải thoát khỏi địa ngục, được giải thoát khỏi loài bàng sanh, được giải thoát khỏi cõi ngạ quỷ, được giải thoát khỏi cõi dữ, ác thú, đọa xứ. Thế nào là chín?

Ở đây, này Sāriputta, có hạng người viên mãn trong các giới, viên mãn trong định nhưng không viên mãn trong tuệ. Vị ấy, sau khi diệt tận năm hạ phần kiết sử, là vị Trung gian Bát-niết-bàn. Nay Sāriputta, đây là hạng người thứ nhất, khi chết có dư y, được giải thoát khỏi địa ngục, được giải thoát khỏi loài bàng sanh, được giải thoát khỏi cõi ngạ quỷ, được giải thoát khỏi cõi dữ, ác thú, đọa xứ.

Lại nữa, này Sāriputta, ở đây, có hạng người viên mãn trong các giới, viên mãn trong định, không viên mãn trong tuệ. Vị ấy, sau khi diệt tận năm hạ phần kiết sử, là vị Tồn hại Bát-niết-bàn... là vị Vô hành Bát-niết-bàn... là vị Hữu hành Bát-niết-bàn... là vị Thượng lưu đi đến Sắc Cứu Cánh thiên. Nay Sāriputta, đây là hạng người thứ năm, khi chết có dư y, được giải thoát khỏi địa ngục, được giải thoát khỏi loài bàng sanh... được giải thoát khỏi cõi dữ, ác thú, đọa xứ.

Lại nữa, này Sāriputta, ở đây có hạng người viên mãn trong các giới, không viên mãn trong định, không viên mãn trong tuệ. Vị ấy, sau khi diệt tận ba kiết sử, làm nhẹ bớt tham, sân, si, là vị Nhất Lai, còn đến thế giới này một lần nữa, rồi đoạn tận khổ đau. Nay Sāriputta, đây là hạng người thứ sáu, khi chết có dư y, được giải thoát khỏi địa ngục... được giải thoát khỏi cõi dữ, ác thú, đọa xứ.

Lại nữa, này Sāriputta, ở đây có hạng người viên mãn trong các giới, không viên mãn trong định, không viên mãn trong tuệ. Vị ấy, sau khi diệt tận ba kiết sử, là vị Nhất Chung, còn sanh hiện hữu làm người một lần nữa²⁰ rồi đoạn tận khổ đau. Nay Sāriputta, đây là hạng người thứ bảy, khi chết có dư y, được giải thoát khỏi địa ngục... được giải thoát khỏi cõi dữ, ác thú, đọa xứ.

Lại nữa, này Sāriputta, ở đây có hạng người viên mãn trong các giới, thành tựu vừa phải trong định, thành tựu vừa phải trong tuệ. Vị ấy, sau khi diệt tận ba kiết sử, là vị Gia Gia, sau khi rong ruổi, sau khi luân chuyển hai hay ba gia đình, rồi đoạn tận khổ đau. Nay Sāriputta, đây là hạng người thứ tám, khi chết có dư y, được giải thoát khỏi địa ngục... được giải thoát khỏi cõi dữ, ác thú, đọa xứ.

Lại nữa, này Sāriputta, ở đây, có hạng người viên mãn trong các giới, thành tựu vừa phải trong định, thành tựu vừa phải trong tuệ. Vị ấy, sau khi diệt tận ba kiết sử, là vị trở lui tối đa là bảy lần, sau khi rong ruổi, sau khi luân chuyển tối đa là bảy lần giữa chư thiên và loài người, rồi đoạn tận khổ đau. Nay Sāriputta, đây là hạng người thứ chín, khi chết có dư y, được giải thoát khỏi địa ngục, được giải thoát khỏi loài bàng sanh, được giải thoát khỏi cõi ngạ quỷ, được giải thoát khỏi cõi dữ, ác thú, đọa xứ.

Nay Sāriputta, một số du sĩ ngoại đạo là ngu si, không thông minh, một số

²⁰ *Ekamyeva mānusakam bhavam nibbattetvā.*

sẽ biết: “Người có dư y là có dư y”, hay một số sẽ biết: “Người không có dư y là không dư y.”

Này Sāriputta, chín hạng người này, khi chết có dư y, được giải thoát khỏi địa ngục, được giải thoát khỏi loài bàng sanh, được giải thoát khỏi cõi nạ quý, được giải thoát khỏi cõi dữ, ác thú, đọa xứ. Nhưng này Sāriputta, cho đến nay, pháp môn này chưa được nói cho các Tỷ-kheo, các Tỷ-kheo-ni, các nam cư sĩ, các nữ cư sĩ. Vì có sao? Mong rằng khi nghe pháp môn này, họ không trở nên phóng dật. Lại nữa, này Sāriputta, pháp môn này được Ta nói đến vì Ta được hỏi đến.

III. KINH TÔN GIẢ KOTṬHITA (*Koṭṭhikasutta*)²¹ (A. IV. 382)

13. Rồi Tôn giả Mahākotṭhita đến Tôn giả Sāriputta; sau khi đến, chào đón hỏi thăm Tôn giả Sāriputta; sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Tôn giả Mahākotṭhita nói với Tôn giả Sāriputta:

– Thưa Hiền giả Sāriputta, có phải sống Phạm hạnh dưới Thế Tôn với hy vọng: “Phàm nghiệp gì được cảm thọ hiện tại, mong rằng nghiệp ấy ta được cảm thọ trong tương lai”?

– Không phải vậy, thưa Hiền giả.

– Thưa Hiền giả Sāriputta, có phải sống Phạm hạnh dưới Thế Tôn với hy vọng: “Phàm nghiệp gì được cảm thọ tương lai, mong rằng nghiệp ấy, ta được cảm thọ trong hiện tại”?

– Không phải vậy, thưa Hiền giả.

– Thưa Hiền giả Sāriputta, có phải sống Phạm hạnh dưới Thế Tôn với hy vọng: “Phàm nghiệp gì được cảm giác là lạc thọ, mong rằng nghiệp ấy ta được cảm giác là khô thọ”?

– Không phải vậy, thưa Hiền giả.

– Thưa Hiền giả Sāriputta, có phải sống Phạm hạnh dưới Thế Tôn với hy vọng: “Phàm nghiệp gì được cảm giác là khô thọ, mong rằng nghiệp ấy ta được cảm giác là lạc thọ”?

– Không phải vậy, thưa Hiền giả.

– Thưa Hiền giả Sāriputta, có phải sống Phạm hạnh dưới Thế Tôn với hy vọng: “Phàm nghiệp gì được cảm thọ là thuần thực, mong rằng nghiệp ấy ta cảm thọ là không thuần thực”?

– Không phải vậy, thưa Hiền giả.

– Thưa Hiền giả Sāriputta, có phải sống Phạm hạnh dưới Thế Tôn với hy vọng: “Phàm nghiệp gì được cảm thọ là không thuần thực, mong rằng nghiệp ấy ta cảm thọ là thuần thực”?

²¹ Tham chiếu: *Đại Câu-hy-la kinh* 大拘絺羅經 (T.01. 0026.29. 0461b22); *Tap. 雜* (T.02. 0099.344. 0094b02).

- Không phải vậy, thưa Hiền giả.
- Thưa Hiền giả Sāriputta, có phải sống Phạm hạnh dưới Thế Tôn với hy vọng: “Phàm nghiệp gì được cảm thọ là nhiều, mong rằng nghiệp ấy ta cảm thọ là ít”?
- Không phải vậy, thưa Hiền giả.
- Thưa Hiền giả Sāriputta, có phải sống Phạm hạnh dưới Thế Tôn với hy vọng: “Phàm nghiệp gì được cảm thọ là ít, mong rằng nghiệp ấy ta cảm thọ là nhiều”?
- Không phải vậy, thưa Hiền giả.
- Thưa Hiền giả Sāriputta, có phải sống Phạm hạnh dưới Thế Tôn với hy vọng: “Phàm nghiệp gì được cảm thọ, mong rằng nghiệp ấy ta không được cảm thọ”?
- Không phải vậy, thưa Hiền giả.
- Thưa Hiền giả Sāriputta, có phải sống Phạm hạnh dưới Thế Tôn với hy vọng: “Phàm nghiệp gì không được cảm thọ, mong rằng nghiệp ấy ta được cảm thọ”?
- Không phải vậy, thưa Hiền giả.
- Thưa Hiền giả Sāriputta, vì sao khi được hỏi: “Có phải sống Phạm hạnh dưới Thế Tôn với hy vọng: ‘Phàm nghiệp gì được cảm thọ hiện tại, mong rằng nghiệp ấy ta được cảm thọ trong tương lai’?” Hiền giả trả lời: “Không phải vậy, thưa Hiền giả.” Thưa Hiền giả Sāriputta, vì sao khi được hỏi: “Có phải sống Phạm hạnh dưới Thế Tôn với hy vọng: ‘Phàm nghiệp gì được cảm thọ tương lai, mong rằng nghiệp ấy ta được cảm thọ hiện tại’?” Hiền giả trả lời: “Không phải vậy, thưa Hiền giả.” Thưa Hiền giả Sāriputta, vì sao khi được hỏi: “Có phải sống Phạm hạnh dưới Thế Tôn với hy vọng: ‘Phàm nghiệp gì được cảm giác là lạc thọ, mong rằng nghiệp ấy ta được cảm giác là khổ thọ’?” Hiền giả trả lời: “Không phải vậy, thưa Hiền giả.” Vì sao khi được hỏi: “Có phải sống Phạm hạnh dưới Thế Tôn với hy vọng: ‘Phàm nghiệp gì được cảm giác là khổ thọ, mong rằng nghiệp ấy ta được cảm giác là lạc thọ’?” Hiền giả trả lời: “Không phải vậy, thưa Hiền giả.” Vì sao khi được hỏi: “Có phải sống Phạm hạnh dưới Thế Tôn với hy vọng: ‘Phàm nghiệp gì được cảm thọ là thuần thực, mong rằng nghiệp ấy ta được cảm thọ là không thuần thực’?” Hiền giả trả lời: “Không phải vậy, thưa Hiền giả.” Vì sao khi được hỏi: “Có phải sống Phạm hạnh dưới Thế Tôn với hy vọng: ‘Phàm nghiệp gì được cảm thọ là không thuần thực, mong rằng nghiệp ấy ta được cảm thọ là thuần thực’?” Hiền giả trả lời: “Không phải vậy, thưa Hiền giả.” Vì sao khi được hỏi: “Có phải sống Phạm hạnh dưới Thế Tôn với hy vọng: ‘Phàm nghiệp gì được cảm thọ là nhiều, mong rằng nghiệp ấy ta cảm thọ là ít’?” Hiền giả trả lời: “Không phải vậy, thưa Hiền giả.” Vì sao khi được hỏi: “Có phải sống Phạm hạnh dưới Thế Tôn với hy vọng: ‘Phàm nghiệp gì được cảm thọ là ít, mong rằng nghiệp ấy ta cảm thọ là nhiều’?” Hiền giả trả

lời: “Không phải vậy, thưa Hiền giả.” Vì sao khi được hỏi: “Có phải sống Phạm hạnh dưới Thế Tôn với hy vọng: ‘Phạm nghiệp gì được cảm thọ, mong rằng nghiệp ấy ta không được cảm thọ?’” Hiền giả trả lời: “Không phải vậy, thưa Hiền giả.” Vì sao khi được hỏi: “Có phải sống Phạm hạnh dưới Thế Tôn với hy vọng: ‘Phạm nghiệp gì không được cảm thọ, mong rằng nghiệp ấy ta được cảm thọ?’” Hiền giả trả lời: “Không phải vậy, thưa Hiền giả.”

Vì mục đích gì mà Phạm hạnh được sống dưới Thế Tôn?

Thưa Hiền giả, với những gì không biết, không thấy, không đạt, không chứng ngộ, không hiện quán, với mục đích để được biết, được thấy, được đạt, được chứng ngộ, được hiện quán, mà Phạm hạnh được sống dưới Thế Tôn.

– Nhưng thưa Hiền giả, do không biết gì, không thấy gì, không đạt gì, không chứng ngộ gì, không hiện quán gì, với mục đích để được biết, được thấy, được đạt, được chứng ngộ, được hiện quán, mà Phạm hạnh được sống dưới Thế Tôn?

– “Đây là khổ”, này Hiền giả, là điều không được biết, không được thấy, không được đạt, không được chứng ngộ, không được hiện quán, với mục đích để được biết, được thấy... mà Phạm hạnh được sống dưới Thế Tôn. “Đây là khổ tập”... “Đây là khổ diệt”... “Đây là con đường đưa đến khổ diệt”, này Hiền giả, là điều không được biết, không được thấy, không được đạt, không được chứng ngộ, không được hiện quán, với mục đích để được biết, được thấy, được đạt, được chứng ngộ, được hiện quán, mà Phạm hạnh được sống dưới Thế Tôn.

Thưa Hiền giả, đây là điều không được biết, không được thấy, không được đạt, không được chứng ngộ, không được hiện quán, với mục đích để được biết, được thấy, được đạt, được chứng ngộ, được hiện quán, mà Phạm hạnh được sống dưới Thế Tôn.

IV. KINH TÔN GIẢ SAMIDDHI (*Samiddhisutta*) (A. IV. 385)

14. Rồi Tôn giả Samiddhi đi đến Tôn giả Sāriputta; sau khi đến, chào đón hỏi thăm Tôn giả Sāriputta; sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, liền ngồi xuống một bên. Rồi Tôn giả Sāriputta nói với Tôn giả Samiddhi đang ngồi xuống một bên:

- Do sở duyên gì, này Samiddhi, một người khởi lên các tư duy tầm?
- Do danh sắc làm sở duyên, thưa Tôn giả.
- Nhưng này Samiddhi, cái gì khiến chúng đi đến sai khác?
- Các giới, thưa Tôn giả.
- Nhưng này Samiddhi, chúng lấy gì làm tập khởi?
- Lấy xúc làm tập khởi, thưa Tôn giả.
- Này Samiddhi, chúng quy tụ ở đâu?
- Chúng quy tụ ở các cảm thọ, thưa Tôn giả.

- Nhưng này Samiddhi, chúng lấy gì làm thượng thủ?
- Chúng lấy định làm thượng thủ, thưa Tôn giả.
- Nhưng này Samiddhi, chúng lấy gì làm tăng thượng?
- Chúng lấy niệm làm tăng thượng, thưa Tôn giả.
- Này Samiddhi, chúng lấy gì làm tối thượng?
- Chúng lấy tuệ làm tối thượng, thưa Tôn giả.
- Này Samiddhi, chúng lấy gì làm lỗi cây?
- Chúng lấy giải thoát làm lỗi cây, thưa Tôn giả.
- Này Samiddhi, chúng thể nhập vào gì?
- Chúng thể nhập vào bất tử, thưa Tôn giả.

– Khi được hỏi: “Này Samiddhi, do sở duyên gì một người khởi lên các tư duy tầm?” Hiền giả đáp: “Do danh sắc làm sở duyên, thưa Tôn giả.” Khi được hỏi: “Này Samiddhi, cái gì khiến chúng đi đến sai khác?” Hiền giả đáp: “Các giới, thưa Tôn giả.” Khi được hỏi: “Này Samiddhi, chúng lấy gì làm tập khởi?” Hiền giả đáp: “Lấy xúc làm tập khởi, thưa Tôn giả.” Khi được hỏi: “Này Samiddhi, chỗ quy tụ của chúng là gì?” Hiền giả đáp: “Chỗ quy tụ của chúng là các cảm thọ, thưa Tôn giả.” Khi được hỏi: “Này Samiddhi, chúng lấy gì làm thượng thủ?” Hiền giả đáp: “Chúng lấy định làm thượng thủ, thưa Tôn giả.” Khi được hỏi: “Này Samiddhi, chúng lấy gì làm tăng thượng?” Hiền giả đáp: “Chúng lấy niệm làm tăng thượng, thưa Tôn giả.” Khi được hỏi: “Này Samiddhi, chúng lấy gì làm tối thượng?” Hiền giả đáp: “Chúng lấy tuệ làm tối thượng, thưa Tôn giả.” Khi được hỏi: “Này Samiddhi, chúng lấy gì làm lỗi cây?” Hiền giả đáp: “Chúng lấy giải thoát làm lỗi cây, thưa Tôn giả.” Khi được hỏi: “Này Samiddhi, chúng thể nhập vào gì?” Hiền giả đáp: “Chúng thể nhập vào bất tử, thưa Tôn giả.” Lành thay, lành thay, này Samiddhi! Lành thay, này Samiddhi! Hiền giả đã trả lời các câu hỏi. Nhưng Hiền giả chớ có kiêu mạn về vấn đề này.

V. KINH UNG NHỌT (*Gaṇḍasutta*)²² (A. IV. 386)

15. Ví như, này chư Hiền, một ung nhọt đã trải nhiều năm. Nó có chín miệng vết thương, có chín miệng nứt rạn. Từ đấy có cái gì chảy ra, chắc chắn bất tịnh rỉ chảy, chắc chắn hôi thúi rỉ chảy, chắc chắn nhàm chán rỉ chảy; có cái gì nứt chảy, chắc chắn bất tịnh nứt chảy, chắc chắn hôi thúi nứt chảy, chắc chắn nhàm chán nứt chảy.

Ung nhọt, này các Tỷ-kheo, là đồng nghĩa với thân này²³ do bốn đại tác thành, do cha mẹ sinh ra, do cơm cháo chất chứa nuôi dưỡng, vô thường, biến hoại, tan nát, hủy hoại, hoại diệt, có chín miệng vết thương, có chín miệng nứt

²² Tham chiếu: *Tăng*. 增 (T.02. 0125.29. 0880a30).

²³ Xem D. I. 76; M. I. 500; II. 17; S. IV. 83.

rạn. Từ đây có cái gì chảy ra, chắc chắn bất tịnh rỉ chảy, chắc chắn hôi thúi rỉ chảy, chắc chắn nhàm chán rỉ chảy; có cái gì nứt chảy, chắc chắn bất tịnh nứt chảy, chắc chắn hôi thúi nứt chảy, chắc chắn nhàm chán nứt chảy.

Do vậy, này các Tỷ-kheo, các ông hãy nhàm chán thân này.

VI. KINH TƯỚNG (*Saṅṇāsutta*)²⁴ (A. IV. 387)

16. Này các Tỷ-kheo, có chín tướng²⁵ này được tu tập, được làm cho sung mãn, có quả lớn, có lợi ích lớn, thể nhập vào bất tử, lấy bất tử làm cứu cánh. Thế nào là chín? Tướng bất tịnh, tướng chết, tướng ghê tởm đối với các món ăn, tướng không ưa thích đối với tất cả thể giới, tướng vô thường, tướng khổ trên vô thường, tướng vô ngã trên khổ, tướng đoạn tận, tướng ly tham.

Này các Tỷ-kheo, chín tướng này được tu tập, được làm sung mãn, có quả lớn, có lợi ích lớn, thể nhập vào bất tử, lấy bất tử làm cứu cánh.

VII. KINH GIA ĐÌNH (*Kulasutta*) (A. IV. 387)

17. Này các Tỷ-kheo, gia đình²⁶ nào thành tựu chín chi phần này, nếu chưa đến thời không nên đến, nếu đã đến thời không nên ngồi xuống. Thế nào là chín? Họ không vui vẻ đứng dậy; họ không vui vẻ đánh lễ; họ không vui vẻ mời ngồi; có chỗ ngồi đem giấu đi; có nhiều, họ cho ít; có đồ tốt, họ cho đồ xấu; họ cho không cẩn thận, họ cho không có chu đáo; họ không có ngồi xung quanh để nghe pháp; họ không thương thức lời nói.

Này các Tỷ-kheo, gia đình nào thành tựu chín chi phần này, nếu chưa đến thời không nên đến, nếu đã đến thời không nên ngồi xuống.

Này các Tỷ-kheo, gia đình nào thành tựu chín chi phần này, nếu chưa đến thời nên đến, nếu đã đến thời nên ngồi xuống. Thế nào là chín? Họ vui vẻ đứng dậy; họ vui vẻ đánh lễ; họ vui vẻ mời ngồi; có chỗ ngồi không giấu đi; có nhiều, họ cho nhiều; có đồ tốt, họ cho đồ tốt; họ cho cẩn thận, họ cho một cách chu đáo; họ ngồi xung quanh để nghe pháp; họ thương thức lời nói.

Này các Tỷ-kheo, gia đình nào thành tựu chín chi phần này, nếu chưa đến thời nên đến, nếu đã đến thời nên ngồi xuống.

VIII. KINH CHÍN CHI PHẦN TRAI GIỚI

(*Navāṅguposathasutta*)²⁷ (A. IV. 388)

18. Này các Tỷ-kheo, ngày trai giới²⁸ thành tựu chín chi phần được thực hành, có quả lớn, có lợi ích lớn, có rục rở lớn, có biến mãn lớn. Được thực hành như thế nào, này các Tỷ-kheo, ngày trai giới thành tựu chín chi phần, có quả lớn, có lợi ích lớn, có rục rở lớn, có biến mãn lớn?

²⁴ Tham chiếu: *Tăng. 增* (T.02. 0125.46.9. 0780a16).

²⁵ *Sannā*. Xem A. IV. 44; GS. IV. 27 (kinh 45 ở trước); A. IV. 463; GS. IV. 305 (kinh 1 ở sau).

²⁶ Xem A. IV. 8; GS. IV. 6 (kinh 13 ở trước).

²⁷ Bản tiếng Anh của PTS: *Amity*, nghĩa là *Từ bi*. Tham chiếu: *Tăng. 增* (T.02. 0125.43.2. 0756c16).

²⁸ Xem A. IV. 248; GS. IV. 170 (kinh 41 ở trước).

Ở đây, này các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử suy nghĩ như sau: “Cho đến trọn đời, các vị A-la-hán đoạn tận sát sanh, từ bỏ sát sanh, bỏ trượng, bỏ kiếm, biết tầm quý, có lòng từ, sống thương xót đến hạnh phúc tất cả chúng sanh và loài hữu tình. Hôm nay, ngày và đêm nay, ta cũng đoạn tận sát sanh, từ bỏ sát sanh, bỏ trượng, bỏ kiếm, biết tầm quý, có lòng từ, sống thương xót đến hạnh phúc tất cả chúng sanh và loài hữu tình. Với chi phần này, ta theo gương vị A-la-hán, sẽ thực hành ngày trai giới.” Đây là chi phần thứ nhất được thành tựu.

“Cho đến trọn đời, các vị A-la-hán đoạn tận lấy của không cho, từ bỏ lấy của không cho, chỉ lấy những vật đã cho, chỉ mong những vật đã cho, tự sống thanh tịnh, không có trộm cướp. Hôm nay, ngày và đêm nay, ta cũng đoạn tận lấy của không cho, từ bỏ lấy của không cho, chỉ lấy những vật đã cho, chỉ mong những vật đã cho, tự sống thanh tịnh, không có trộm cướp. Với chi phần này, ta theo gương vị A-la-hán, sẽ thực hành ngày trai giới.” Đây là chi phần thứ hai được thành tựu.

“Cho đến trọn đời, các vị A-la-hán đoạn tận phi Phạm hạnh, hành Phạm hạnh, sống xa lìa, từ bỏ dâm dục hèn hạ. Hôm nay, ngày và đêm nay, ta cũng đoạn tận phi Phạm hạnh, hành Phạm hạnh, sống xa lìa, từ bỏ dâm dục hèn hạ. Với chi phần này, ta theo gương vị A-la-hán, sẽ thực hành ngày trai giới.” Đây là chi phần thứ ba được thành tựu.

“Cho đến trọn đời, các vị A-la-hán đoạn tận nói láo, tránh xa nói láo, nói những lời chân thật, y chỉ nơi sự thật, chắc chắn, đáng tin cậy, không lừa gạt, không phản lại lời hứa đối với đời. Hôm nay, ngày và đêm nay, ta cũng đoạn tận nói láo, tránh xa nói láo, nói những lời chân thật, y chỉ nơi sự thật, chắc chắn, đáng tin cậy, không lừa gạt, không phản lại lời hứa đối với đời. Với chi phần này, ta theo gương vị A-la-hán, sẽ thực hành ngày trai giới.” Đây là chi phần thứ tư được thành tựu.

“Cho đến trọn đời, các vị A-la-hán đoạn tận đắm say rượu men rượu nẫu. Hôm nay, ngày và đêm nay, ta cũng đoạn tận đắm say rượu men rượu nẫu. Với chi phần này, ta theo gương vị A-la-hán, sẽ thực hành ngày trai giới.” Đây là chi phần thứ năm được thành tựu.

“Cho đến trọn đời, các vị A-la-hán mỗi ngày dùng một bữa, không ăn ban đêm, không ăn phi thời. Hôm nay, ngày và đêm nay, ta cũng dùng mỗi ngày một bữa, không ăn ban đêm, không ăn phi thời. Với chi phần này, ta theo gương vị A-la-hán, sẽ thực hành ngày trai giới.” Đây là chi phần thứ sáu được thành tựu.

“Cho đến trọn đời, các vị A-la-hán từ bỏ đi xem múa, hát, nhạc, diễn kịch; không trang sức bằng vòng hoa, hương liệu, dầu thoa và các thời trang. Hôm nay, ngày và đêm nay, ta cũng từ bỏ đi xem múa, hát, nhạc, diễn kịch; không trang sức bằng vòng hoa, hương liệu, dầu thoa và các thời trang. Với chi phần này, ta theo gương vị A-la-hán, sẽ thực hành ngày trai giới.” Đây là chi phần thứ bảy được thành tựu.

“Cho đến trọn đời, các vị A-la-hán đoạn tận giường cao, giường lớn, từ bỏ

giường cao, giường lớn; các vị ấy nằm trên giường thấp, trên giường nhỏ, trên thảm cỏ. Hôm nay, ngày và đêm nay, ta cũng đoạn tận giường cao, giường lớn, từ bỏ giường cao, giường lớn; ta nằm trên giường thấp, trên giường nhỏ, trên thảm cỏ. Với chi phần này, ta theo gương vị A-la-hán, sẽ thực hành ngày trai giới.” Đây là chi phần thứ tám được thành tựu.

Ở đây, này các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử với tâm câu hữu với từ, biến mãn một phương và an trú, như vậy phương thứ hai... như vậy phương thứ ba... như vậy phương thứ tư... như vậy cùng khắp thế giới, trên dưới, bề ngang, hết thảy phương xứ, cùng khắp vô biên giới, vị ấy với tâm câu hữu với từ, biến mãn và an trú, quảng đại, vô biên, không hận, không sân. Đây là chi phần thứ chín được thành tựu.

Như vậy, này các Tỷ-kheo, ngày trai giới thành tựu chín chi phần được thực hành, có quả lớn, có lợi ích lớn, có rược rở lớn, có biến mãn lớn.

IX. KINH CHƯ THIÊN (*Devatāsutta*) (A. IV. 390)

19. Đêm nay, này các Tỷ-kheo, một số đông chư thiên, sau khi đêm đã gần mãn, với dung sắc thù thắng chói sáng toàn vùng Jetavana, đi đến chỗ Ta; sau khi đến, đánh lễ Ta rồi đứng một bên. Này các Tỷ-kheo, đứng một bên, chư thiên ấy thưa với Ta: “Bạch Thế Tôn, khi chúng con sống giữa loài người, trong thời quá khứ, các vị xuất gia, không có gia đình đến chúng con. Bạch Thế Tôn, chúng con đã đứng dậy nhưng chúng con không đánh lễ. Bạch Thế Tôn, do không làm đầy đủ bốn phận, chúng con sanh ra hồi hận, phiền não vì bị sanh với thân hạ liệt.”

Này các Tỷ-kheo, lại có nhiều chư thiên khác đến chỗ Ta và thưa như sau: “Bạch Thế Tôn, khi chúng con sống giữa loài người, trong thời quá khứ, các vị xuất gia, không có gia đình đến chúng con. Bạch Thế Tôn, chúng con đã đứng dậy, chúng con đã đánh lễ nhưng chúng con không mời ghé ngồi. Bạch Thế Tôn, do không làm đầy đủ bốn phận, chúng con sanh ra hồi hận, phiền não vì bị sanh với thân hạ liệt.”

Này các Tỷ-kheo, lại có nhiều chư thiên khác đến chỗ Ta và thưa như sau: “Bạch Thế Tôn, khi chúng con sống giữa loài người, trong thời quá khứ, các vị xuất gia, không có gia đình đến chúng con. Bạch Thế Tôn, chúng con đã đứng dậy, chúng con đã đánh lễ, chúng con đã mời ghé ngồi nhưng chúng con không chia sẻ [đồ ăn] tùy theo khả năng và sức lực của chúng con... chúng con chia sẻ [đồ ăn] tùy theo khả năng và sức lực của chúng con nhưng chúng con không ngồi xung quanh để nghe pháp... chúng con có ngồi xung quanh để nghe pháp nhưng chúng con không lắng tai nghe pháp... chúng con lắng tai nghe pháp nhưng chúng con sau khi nghe không có thọ trì pháp... chúng con sau khi nghe có thọ trì pháp nhưng không có suy tư ý nghĩa các pháp đã được thọ trì... chúng con có suy tư ý nghĩa các pháp đã được thọ trì nhưng chúng con sau khi biết nghĩa, biết pháp, không thực hành pháp và tùy pháp. Bạch Thế Tôn, do không

làm đầy đủ bốn phận, chúng con sanh ra hối hận, phiền não vì bị sanh ra với thân hạ liệt.”

Này các Tỷ-kheo, lại có nhiều chư thiên khác đến chỗ Ta và thưa như sau: “Bạch Thế Tôn, khi chúng con sống giữa loài người, trong thời gian quá khứ, các vị xuất gia, không có gia đình đến chúng con. Bạch Thế Tôn, chúng con đã đứng dậy, chúng con đã đánh lễ, chúng con đã mời ghé ngồi, chúng con đã chia sẻ [đồ ăn] tùy theo khả năng và sức lực của chúng con, chúng con đã ngồi xung quanh để nghe pháp, chúng con lắng tai nghe pháp, chúng con sau khi nghe có thọ trì pháp, chúng con có suy tư ý nghĩa các pháp đã được thọ trì, chúng con sau khi biết nghĩa, biết pháp, thực hành pháp và tùy pháp. Bạch Thế Tôn, do chúng con làm đầy đủ bốn phận, chúng con không sanh hối hận, phiền não vì được sanh với thân thù thắng.”

Này các Tỷ-kheo, đây là những gốc cây, đây là những ngôi nhà trống. Này các Tỷ-kheo, hãy thiên định, chớ có phóng dật, chớ có hối tiếc về sau như các thiên nhân đã được nói đến trước ấy.

X. KINH VELĀMA (*Velāmasutta*)²⁹ (A. IV. 392)

20. Một thời, Thế Tôn trú ở Sāvattthi, tại Jetavana, vườn ông Anāthapiṇḍika. Rồi Tôn giả Anāthapiṇḍika đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Thế Tôn nói với gia chủ Anāthapiṇḍika đang ngồi xuống một bên:

- Này gia chủ, gia đình của ông có bố thí không?
- Bạch Thế Tôn, gia đình của con có bố thí nhưng chỉ có món ăn thô tẻ làm bằng hạt gạo bẻ và cháo chua.
- Này gia chủ, dầu bố thí các món thô hay tế, nếu bố thí không cẩn thận, bố thí không có chú tâm, bố thí không tự tay mình, bố thí những vật quăng đi, bố thí không có nghĩ đến tương lai; chỗ nào, chỗ nào, sự bố thí ấy sanh quả dị thực, thời tâm không thiên về thưởng thức các món ăn thù diệu, tâm không thiên về thưởng thức y áo thù diệu, tâm không thiên về thưởng thức các cỗ xe thù diệu, tâm không thiên về thưởng thức năm dục công đức thù diệu; và các người con, hay vợ, hay những người phục vụ, hay những người đưa tin, hay những người làm công, họ không có khéo nghe, họ không có lắng tai, họ không có an trú tâm hiểu biết. Vì sao? Này gia chủ, như vậy là quả dị thực của việc làm không có cẩn thận.

Này gia chủ, dầu có bố thí các món thô hay tế, nếu bố thí có cẩn thận, bố thí có chú tâm, bố thí tự tay mình, bố thí những vật không quăng bỏ đi, bố thí có nghĩ đến tương lai; chỗ nào, chỗ nào, sự bố thí ấy sanh quả dị thực, thời tâm

²⁹ Tham chiếu: *Tăng. 增* (T.02. 0125.27.3. 0644b19); *Tu-đạt-đa kinh* 須達哆經 (T.01. 0026.155. 0677a08); *Tam quy ngũ giới từ tâm yếm ly công đức kinh* 三歸五戒慈心厭離功德經 (T.01. 0072. 0879c07); *Tu-đạt kinh* 須達經 (T.01. 0073. 0879a08); *Trưởng giả Thí báo kinh* 長者施報經 (T.01. 0074. 0880a09).

thiên về thưởng thức các món ăn thù diệu, tâm thiên về thưởng thức y áo thù diệu, tâm thiên về thưởng thức các cỗ xe thù diệu, tâm thiên về thưởng thức năm dục công đức thù diệu; và các người con, hay vợ, hay những người phục vụ, hay những người đưa tin, hay những người làm công, họ có khéo nghe, họ có lóng tai, họ có an trú tâm hiểu biết. Vì sao? Đây gia chủ, như vậy là quả dị thực của việc làm có cẩn thận.

Thuở xưa, này gia chủ, có một vị Bà-la-môn tên là Velāma. Vị ấy bố thí rộng lớn như sau: Vị ấy bố thí tám mươi bốn ngàn bát bằng vàng đựng đầy bạc. Vị ấy bố thí tám mươi bốn ngàn bát bằng bạc đựng đầy vàng. Vị ấy bố thí tám mươi bốn ngàn bát bằng đồng đựng đầy châu báu. Vị ấy bố thí tám mươi bốn ngàn con voi với đồ trang sức bằng vàng, với các ngọn cờ bằng vàng, bao trùm với những lưới bằng chỉ vàng và tám mươi bốn ngàn cỗ xe được trải với da sư tử, được trải với da cọp, được trải với da báo, được trải với mền màu vàng, với những trang sức bằng vàng, với các ngọn cờ bằng vàng, bao trùm với những lưới bằng chỉ vàng. Vị ấy bố thí tám mươi bốn ngàn con bò sữa, cột bằng những sợi dây gai mịn với những thùng sữa bằng bạc. Vị ấy bố thí tám mươi bốn ngàn thiếu nữ, trang sức với những bông tai bằng châu báu. Vị ấy bố thí tám mươi bốn ngàn giường nằm trải nệm bằng len thêu bông, nệm bằng da con sơn dương gọi là kadali, tấm thảm có lông che phía trên, có đầu gối chân màu đỏ hai phía. Vị ấy bố thí tám mươi bốn ngàn thước vải bằng vải gai mịn màng nhất, bằng vải lụa mịn màng nhất, bằng vải len mịn màng nhất, bằng vải bông mịn màng nhất. Và ai có thể nói về các đồ ăn, đồ uống, loại cứng, loại mềm, các loại đồ ăn nếm và các loại nước đường, chúng tôi nghĩ chúng chảy như dòng sông.

Có thể, này gia chủ, ông nghĩ: “Có thể Bà-la-môn Velāma là một người nào khác, vị đã bố thí một cách rộng lớn như vậy.” Đây gia chủ, chớ có nghĩ như vậy. Chính lúc ấy, Ta là Bà-la-môn Velāma, chính Ta đã bố thí rộng lớn ấy. Nhưng này gia chủ, khi bố thí ấy được cho, không có một ai xứng đáng để nhận bố thí. Không có một ai làm cho thanh tịnh bố thí ấy. Đây gia chủ, dầu Bà-la-môn Velāma bố thí có rộng lớn, nếu có ai bố thí cho một người chánh kiến, bố thí này lớn hơn quả lớn kia. Đây gia chủ, dầu Bà-la-môn Velāma bố thí có rộng lớn và có ai bố thí cho một trăm người chánh kiến, và có ai bố thí cho một vị Nhất Lai, bố thí này quả lớn hơn bố thí kia. Đây gia chủ, dầu cho Bà-la-môn Velāma bố thí rộng lớn và có ai bố thí cho một trăm vị Nhất Lai, và có ai bố thí cho một vị Bất Lai, bố thí này quả lớn hơn bố thí kia. Đây gia chủ, dầu Bà-la-môn Velāma bố thí có rộng lớn và có ai bố thí cho một trăm vị Bất Lai, và có ai bố thí cho một vị A-la-hán, bố thí này quả lớn hơn bố thí kia. Đây gia chủ, dầu Bà-la-môn Velāma bố thí có rộng lớn và có ai bố thí cho một trăm vị A-la-hán, và có ai bố thí cho một vị Độc Giác Phật, bố thí này quả lớn hơn bố thí kia. Đây gia chủ, dầu cho Bà-la-môn Velāma bố thí có rộng lớn và có người bố thí cho một trăm vị Độc Giác Phật, có ai bố thí cho Như Lai, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác, bố thí này quả lớn hơn bố thí kia... và có ai bố thí

cho chúng Tỷ-kheo với đức Phật là vị thượng thủ... và có ai xây dựng một tinh xá cho chúng Tăng trong bốn phương... và có ai với tâm tịnh tín quy y Phật, Pháp và Tăng... và có ai với tâm tịnh tín, chấp nhận học pháp, từ bỏ sát sanh, từ bỏ lấy của không cho, từ bỏ tà hạnh trong các dục, từ bỏ nói láo, từ bỏ không đắm say rượu men rượu nẫu... Đây gia chủ, đầu Bà-la-môn Velāma bồ thí có rộng lớn, và có ai với tâm tịnh tín, chấp nhận học pháp, từ bỏ sát sanh, từ bỏ lấy của không cho, từ bỏ tà hạnh trong các dục, từ bỏ nói láo, từ bỏ không đắm say rượu men rượu nẫu, và có ai tu tập Từ tâm giải thoát cho đến trong một khoảnh khắc vắt sữa bò, bồ thí này quả lớn hơn bồ thí kia.

Này gia chủ, đầu cho Bà-la-môn Velāma bồ thí có rộng lớn, có ai bồ thí một vị đầy đủ chánh kiến... và có ai bồ thí một vị Nhất Lai... và có ai bồ thí một vị Bất Lai... và có ai bồ thí một vị A-la-hán... và có ai bồ thí một vị Độc Giác Phật... và có ai bồ thí Như Lai, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác... và có ai bồ thí chúng Tỷ-kheo với đức Phật là vị thượng thủ... và có ai cho xây dựng một tinh xá cho chúng Tăng trong bốn phương... và có ai với tâm tịnh tín quy y Phật, Pháp và chúng Tăng... và có ai tâm tịnh tín chấp nhận học pháp, từ bỏ sát sanh... và có ai tu tập Từ tâm giải thoát cho đến trong một khoảnh khắc vắt sữa bò, và có ai đầu chỉ trong một khoảnh khắc búng ngón tay tu tập tưởng vô thường, bồ thí này quả lớn hơn bồ thí kia.

